TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 17/2025/DS-PT
Ngày 16/01/2025
Về *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Cường, ông Trần Quốc Cường

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Lữ Thị Hằng

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 247/TBTL-TA ngày 06/11/2024 về *"Tranh chấp đòi lại tài sản"* đối với bản án dân sự sơ thẩm số 75/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2527/2024/QĐ-PT ngày 27/12/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Nguyên đơn: ông Trần Văn Á (Bé), sinh năm 1954; địa chỉ: Ô Lô A H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Lê Hữu P, sinh năm 1975; địa chỉ: I đường N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Bị đơn: ông Trần Văn H, sinh năm 1947; địa chỉ: nhà số B, đường P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Nguyễn Hoàng A; địa chỉ: Chung cư F, A L, phường T, quận H, Đà Nẵng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1956; địa chỉ: nhà số I đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Lê Văn A1, sinh năm 1962; địa chỉ: D M, USA (Hoa Kỳ), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn A1 là bà Trần Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: nhà số A Cách mạng T, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập:

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1959; địa chỉ: G đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Chị Trần Thị Quỳnh N1, sinh năm 1992, vắng mặt.

- Anh Trần Văn T, sinh năm 1990, vắng mặt.

Chị N1 và anh T cùng địa chỉ: nhà số I đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Văn Á (Bé) trình bày:

Cụ Trần Văn B và vợ là cụ Huỳnh Thị T1 (chết năm 2013) có một con chung duy nhất là ông Trần Văn Á; ngoài ra, cụ B với vợ khác là cụ Trần Thị H1 có hai con chung là ông Trần Văn H và ông Trần Văn H2. Sau khi cụ B chết năm 1951, cụ H1 lập gia đình với cụ Lê Văn C có hai con là bà Trần Thị N và ông Lê Văn A1. Ông H2 có vợ là bà Huỳnh Thị V và có 2 con là chị Trần Thị Quỳnh N1 và anh Trần Văn T, ông H2 đã chết.

Trước khi chết (năm 1951) cụ B để lại tài sản là nhà và đất tại tổ B B, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng có nguồn gốc đất là đất cha mẹ cụ B để lại cho cụ B. Khoảng năm 2000, cụ H1 lập Di chúc với ý nguyện định đoạt 600m đất, trên đất có nhà tại tổ B B làm nơi thờ phụng ông bà cha mẹ, Di chúc này đã được Bản án dân sự phúc thẩm số 09/2015/DS-PT ngày 12/3/2015 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng công nhận là hợp pháp.

Năm 2004, phần 600m^2 đất thờ phụng nêu trên bị giải tỏa và được bồi thường, tái định cư gồm: bồi thường tiền 700.586.710 đồng; 3 lô đất tái định cư là Lô B P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; Lô 11B1-19 đường 10m5 KDC số D N (Huỳnh Tấn P1) và Lô D KDC N cầu C.

Vì có tranh chấp về việc phân chia tài sản thừa kế nên năm 2018 ông H đã khởi kiện gia đình ông H2 ra Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Quá trình giải quyết, các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án (thể hiện tại Biên bản hòa giải ngày 04/01/2019 tại Tòa án). Do rút đơn khởi kiện nên Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng tất cả những người liên quan vẫn thực hiện đúng như cam kết tại Biên bản hòa giải của Tòa án ngày 04/01/2019 và tất cả mọi người thống nhất theo ý kiến của ông H về việc xử lý 03 lô đất như sau: - Lô 24B1-4 Phan Đăng L1 (nay là B P), phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng và tiền bồi thường đã xây dựng ngôi nhà trên đất dùng để thờ cúng ông bà; - Hai lô 11B1-19 đường 10m5 KDC số D N (Huỳnh Tấn P1) và Lô D KDC N cầu C thì chuyển nhượng, lấy tiền chia đều cho 05 anh chị em là Trần Văn H, Trần Văn H2, Trần Thị N, Trần Văn Á và Lê Văn A1 và trích ra hai tỷ đồng để lo thờ cúng ông bà, giao ông H bán cả 02 lô đất này. Việc thỏa thuận, xử lý tài sản như trên là phù hợp với quy định của pháp luật và được sự thống nhất của các anh em con cháu trong gia đình. Sau đó, ông H bán lô đất ở đường H được 09 tỷ đồng, thỏa thuận trích ra 02 tỷ đồng để thờ cúng ông bà, phần còn lại đã thực hiện chia cho các anh em con cháu xong theo thỏa thuận. Đối với số tiền bán căn nhà ở KDC N cầu C thì ông H bán được 03 tỷ đồng chia đều cho 05 người, mỗi người 600 triệu đồng, mọi người ông H đều đã chia nhưng ông Á chưa được chia số tiền 600 triệu đồng này.

Đến nay, ông H giữ số tiền 02 tỷ đồng thờ cúng ông bà nhưng không thấy ông H làm gì, không công khai việc sử dụng số tiền này. Ông Á và mọi người xác định tuổi đã cao không thể đi lại tập trung nhà ông H để thờ cúng nên thờ cúng riêng ông bà cha mẹ, vì vậy, ông Á khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc ông H trả cho ông Á số tiền 400.000.000 đồng mà ông Á được hưởng từ số tiền trích ra 2.000.000.000 đồng thờ cúng từ việc bán lô đất 11B1-19 đường 10m5 KDC số D N (H);

- Buộc ông H trả cho ông Á số tiền 600.000.000 đồng mà ông Á được hưởng từ việc bán lô đất D10-14 KDC N cầu C. Tổng cộng, ông Á yêu cầu ông H trả ông Á 1.000.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lê Văn A1 (do bà Trần Thị L đại diện) trình bày: Đối với lô đất D10-14 Khu dân cư Nam Cầu C, ông Lê Văn A1 đề nghị Tòa án buộc ông H trả lại ông A1 600.000.000 đồng do ông A1 chưa nhận được tiền từ việc bán lô đất này. Đối với lô đất 11B1-19 đường 10m5 KDC số D N (H), ông Lê Văn A1 yêu cầu Toà án buộc ông H trả ông A1 1.266.000.000 đồng là số tiền mỗi suất thừa kế được hưởng từ việc bán lô đất này mà ông A1 cũng chưa được nhận. Thực tế, sau khi bán lô đất 11B1-19 trên được 8,5 tỷ đồng, chi phí làm giấy tờ 170.000.000 đồng và sau khi chia 05 suất thừa kế, mỗi suất được 1.266.000.000 đồng, còn để lại 2.000.000.000 cho ông H quản lý để lo việc thờ cúng ông bà. Nay ông A1 đề nghị Tòa án buộc ông H 400.000.000 đồng là suất của ông A1 được trích từ 2.000.000.000 đồng thờ cúng nêu trên. Tổng số tiền ông A1 yêu cầu ông H trả 2.266.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Huỳnh Thị V trình bày: Chồng bà V là ông Trần Văn H2, chết năm 2002, ông H2 là con của cụ B, chết năm 1954 và cụ H1, chết năm 2006. Ông B với bà Trần Thị H1 và có với nhau hai người con chung là ông Trần Văn H và ông Trần Văn H2. Ông Á và ông H, ông H2 là anh em cùng cha khác mẹ. Sau khi cha ông H2 là cụ B chết, cụ H1 lập gia đình với ông Lê Văn C và có hai người con là bà Trần Thị N và ông Lê Văn A1. Ông H2, ông H và ông A1, bà N là anh em cùng mẹ khác cha. Bà và ông H2 có 02 người con là Trần Thị Quỳnh N1 và Trần Văn T, suất của ông H2 là 400 triệu trong tổng số 02 tỷ đồng dùng để thờ cúng nên bà V có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án buộc ông H trả bà V 1/3 của số tiền 400 triệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Trần Văn T trình bày: Đối với việc ông Á đòi ông H số tiền 600.000.000 đồng từ việc bán lô đất D10-14 nam Cầu Cẩm L2, gia đình anh đã nhận đủ số tiền 600.000.000 đồng nên anh không có ý kiến gì. Đối với việc ông Á đòi ông H trả 400.000.000 đồng từ số tiền trích ra 2.000.000.000 đồng thờ cúng trong việc bán lô đất 11B1-19 đường 10m5 KDC số D N (H) thì anh T (con ông H2) yêu cầu được nhận 1/3 của 400.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập bà Trần Thị N trình bày: Yêu cầu ông H chia 2 tỷ đồng dùng để thờ cúng cho bà được nhận 400 triệu, bà sẽ có đơn yêu cầu độc lập sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập chị Trần Thị Quỳnh N1 *trình bày:* Chị N1 có quyền được nhận 1/3 của số tiền 400.000.000 đồng, nhưng chị không nhận mà để ông H tiếp tục thờ cúng ông bà.

Bị đơn, ông Trần Văn H *không tham gia tố tụng, không gửi ý kiến trình bày dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 75/2024/DS-ST ngày 20/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ các Điều 37, 227, 469 và 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280 của Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc:"Tranh chấp đòi lại tài sản" của ông Trần Văn Á *(Bé) đối với ông* Trần Văn H. *Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập về việc:"Đòi lại tài sản" của ông* Lê Văn A1 *đối với ông* Trần Văn H. *Không chấp nhận yêu cầu độc lập về việc"Đòi lại tài sản" của bà* Huỳnh Thị V *đối với ông* Trần Văn H.

Xử:

1. *Buộc ông* Trần Văn H *có nghĩa vụ trích trả cho ông* Trần Văn Á *(Bé) số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).*

2. *Buộc ông* Trần Văn H *có nghĩa vụ trích trả cho ông* Lê Văn A1 *số tiền là 1.800.000.000đ (một tỷ tám trăm triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông* Trần Văn Á*, ông* Trần Văn H*, ông* Lê Văn A1*, bà* Huỳnh Thị V *đều là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.*

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 27/9/2024 ông Trần Văn Á (nguyên đơn) kháng cáo, ngày 02/10/2024 ông Lê Văn A1 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do bà Trần Thị L làm đại diện theo ủy quyền) kháng cáo; nội dung kháng cáo của ông Á và ông A1 là đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn ông Trần Văn H trả ông Á, ông A1 mỗi người 400 triệu đồng trích ra từ số tiền 02 tỷ đồng dùng thờ cúng mà ông H đang giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Trần Văn Á (do ông Lê Hữu P đại diện theo ủy quyền) và ông Lê Văn A1 (do bà L đại diện theo ủy quyền) giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của Nguyên đơn (ông Trần Văn Á) và kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Lê Văn A1) yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Bị đơn ông Trần Văn H trả lại ông Trần Văn Á và ông Lê Văn A1 mỗi người 400 triệu đồng xuất phát từ số tiền 02 tỷ đồng mà trước đây các đồng thừa kế thỏa thuận giao cho ông Trần Văn H giữ để chi dùng vào việc thờ cúng, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

[1] Các đồng thừa kế trong vụ án chia thừa kế di sản của các cụ Trần Văn B, Huỳnh Thị T1 và Trần Thị H1 đều thống nhất trích từ di sản thừa kế của các Cụ số tiền 2.000.000.000 đồng giao cho ông Trần Văn H (một trong 5 đồng thừa kế) quản lý, sử dụng vào việc thờ cúng ông bà. Ông Trần Văn Á và ông Lê Văn A1 là đồng thừa kế trong vụ án cho rằng không thấy ông H thực hiện việc thờ cúng Ông, B1 và ông H không công khai chi tiết việc sử dụng số tiền 2.000.000.000 đồng vào việc thờ cúng nên yêu cầu ông H trả lại phần của mỗi ông là 400.000.000 đồng.

[2] Xét, thỏa thuận giao 2.000.000.000 đồng cho ông H dùng vào việc thờ cúng ông bà, tổ tiên đã được tất cả 5 đồng thừa kế là ông Trần Văn H (trưởng Nam), ông Trần Văn H2, bà Trần Thị N, ông Trần Văn Á và ông Lê Văn A1 thống nhất thỏa thuận bằng miệng, không lập văn bản. Xét, thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội và ông H (trưởng Nam) đã thực hiện thỏa thuận này ít nhất từ năm 2022, điều này các đồng thừa kế cũng thừa nhận, nhưng nay lấy lý do đã già yếu, muốn chia ra để tự thờ cúng ông, bà, nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông H vi phạm thỏa thuận trên. Mặt khác, ông A1 và ông Á yêu cầu chia số tiền này, nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh từ năm 2022 đến nay, ông H đã chi dùng vào việc thờ cúng hết bao nhiêu tiền, hiện còn lại bao nhiêu tiền; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông A1, ông Á và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vì chưa đủ cơ sở là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Ông

Trần Văn Á và ông Lê Văn A1 kháng cáo không được chấp nhận, nhưng là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 75/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ông Trần Văn Á và ông Lê Văn A1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (để biết);
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dã ký

Đặng Kim Nhân